

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MUỜNG LÁT
TỈNH THANH HOÁ**

Bản án số: 06/2018/HS-ST
Ngày 27/ 03/2018.

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MUỜNG LÁT, TỈNH THANH HOÁ

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Quách Văn T

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà : Lò Thị Ly S
2. Ông : Hà Quang H

Thư ký ghi biên bản phiên toà: Bà Lê Thị H - Thư ký Toà án nhân dân huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa: Ông Hà Văn C – Chức vụ: Kiểm sát viên sơ cấp.

Vào hồi 9 giờ 30 phút, ngày 27 tháng 3 năm 2018 tại Hội trường xét xử Tòa nhân dân huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa. Tòa án nhân dân huyện Mường Lát mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hình sự thụ lý số 02/2018/HS -ST ngày 31 tháng 01 năm 2018 và gia thời hạn chuẩn bị xét xử số: 01/2018/QĐ-HSST, ngày 28/02/2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: Lò Văn T; Tên gọi khác: Không - Sinh năm 1987; nơi sinh: Xã Thanh S, huyện như x, tỉnh Thanh Hóa; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn Ná C, xã Thanh S, huyện Như X, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 4/12; dân tộc : Thái; con ông: Lò Xuân C- Sinh năm 1967 và con bà: Vi Thị B – Sinh năm 1968; có vợ là: Lang Thị N- Sinh năm 1991; vợ chồng có 01(một) con- Sinh năm: 2011; tiền án, tiền sự: không; tạm giam, tạm giữ từ ngày 22/11/2017, được áp dụng biện pháp thay thế ngăn chặn số: 01/QĐ-VKS, ngày 26/01/2018 đến nay có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo: ông Nguyễn Ngọc K, nghề nghiệp: Trợ giúp viên pháp lý; nơi công tác: Chi nhánh số 1, thuộc trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN NHƯ SAU:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và qua trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 17/5/2014, tại lán công trình của Công Ty xây dựng Hoàng L ở bản Lốc H, xã Nhi S, huyện Mường Lát Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện

Mường L phát hiện và bắt quả tang nhiều đối tượng đánh bạc gồm có, Phạm Đức Q, Lò Văn D, Phạm Minh T, Vi Văn N, thu giữ trên chiếu được 6.300.000đ và 01 bộ bài tú lơ khơ 52 cây, lợi dụng trong lúc sơ hở Công an huyện Mường Lát Lò Văn T đã chạy trốn, đến ngày 21/11/2017 bị cáo Lò Văn T đã Công an xã Cư KLông, huyện KN, tỉnh Đắk Lắk đầu thú.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai nhận: Vào khoảng 22 giờ ngày 16/5/2014, sau khi ăn tối ở trong lán Công Ty xong, bị cáo và Lò Văn D đi lấy nước sinh hoạt về cho công nhân thì thấy Cao Bằng Đ, Hà Văn C, Nguyễn Thành T, Hà Văn T, Phạm Hồng D, Bùi Ngọc C, Lương Văn Đ đánh bạc ăn tiền dưới hình thức đánh “liêng”. Trước khi chơi mỗi người phải đặt dưới chân số tiền 1.000.000đ (một triệu đồng), số tiền đánh bạc mỗi ván 50.000đ (năm mươi nghìn đồng) theo quy ước chung chia mỗi người chơi 3 cây, có 3 cây giống nhau gọi là “sáp” lớn nhất, 3 cây nối liền nhau là “liêng” là thứ 1, 2, 3 cây bài có hình người là “Đĩ” là thứ 3 và sau đó mới tính điểm, nếu nhất thì được lấy tiền. Đến khoảng 0 giờ 15 phút ngày 17/ 5/2014, khi các bị cáo đang đánh bạc thì bị Công an huyện Mường Lát bắt quả tang thu giữ toàn bộ số tang vật ngay tại chiếu bạc, gồm: 01 bộ bài tú lơ khơ 52 cây và số tiền 6.300.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 07/CT- VKS-ML ngày 29/ 01/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa truy tố bị cáo: Lò Văn T về tội **“Đánh bạc”** theo Khoản 1 Điều 248 BLHS1999, tương ứng khoản 1 điều 321 BLHS năm 2015.

Nên đề nghị Hội đồng xét xử :

+Về tội danh: Đề nghị HĐXX tuyên phạt bị cáo Lò Văn T phạm tội “Đánh bạc”.

+ Áp dụng điều luật: Khoản1, điều 248 BLHS năm 1999; tương ứng với khoản 1, điều 321 BLHS năm 2015, theo nguyên tắc có lợi thì khoản1, điều 248; điểm h khoản 1, khoản 2 điều 46 BLHS năm 1999, tương ứng với điểm i khoản1, khoản 2 điều 51BLHS năm 2015.

+ Xử phạt: Lò Văn T từ 6 đến 8 tháng tù, cho hưởng án treo. thời gian thử thách từ 12 đến 16 tháng.

+ Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Lò Văn T.

+ Về vật chứng: Đã được giải quyết ở vụ án trước.

+ Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo phải chịu án phí HSST và quyền kháng cáo bản án.

Người bào chữa cho các bị cáo thống nhất với ý kiến của Kiểm sát viên về tội danh, điều luật áp dụng và hình phạt. Nhưng cho rằng quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Lò Văn T phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đầu thú, đã thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn hối cải, là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn, được quy định tại điểm h, p

khoản 1, khoản 2 điều 46 BLHS. Nên đề nghị với Hội đồng xét xử cân nhắc xem xét cho bị cáo có mức hình phạt thấp nhất, để cho bị cáo yên tâm cải tạo, sớm được trở về với gia đình và trở thành công dân có ích cho xã hội.

Tại phiên tòa bị cáo nhận tội, thống nhất với lời bào chữa của trợ giúp viên pháp lý, không thay đổi, bổ sung gì thêm, không tranh luận với đại diện VKS, lời nói cuối cùng xin hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo mức án thấp nhất, để bị cáo sớm được đoàn tụ với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng: Cơ quan điều tra Công an huyện Mường Lát, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát, Kiểm sát viên; Tòa án nhân dân huyện Mường Lát, Hội đồng xét xử. Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục qui định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, Người bào chữa cho bị cáo, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo Lò Văn T khai nhận đúng như nội dung của bản cáo trạng đã nêu. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận hành vi của bị cáo Lò Văn T đã cấu thành tội “**Đánh bạc**” theo Khoản 1 Điều 248 BLHS 1999, tương ứng với khoản 1, điều 321 BLHS năm 2015, theo nguyên tắc có lợi thì khoản 1, điều 248 BLHS 1999.

Bị cáo tuổi đời còn trẻ, có sức khỏe và đã có gia đình ổn định lẽ ra phải tu chí, tích cực lao động để chăm lo gia đình. Mặc dù nhận thức được nạn cờ bạc, lô đề đã làm biết bao gia đình tan nát, vợ chồng bỏ nhau, con trẻ bơ vơ, tài sản tiêu tan. Song vì háms lợi, thích có tiền nhưng không chịu lao động mà rủ rê, tụ tập để đánh bạc bằng hình thức đánh “liêng” mang tính chất đỏ đen nhằm sát phạt nhau, được thua bằng tiền để chiếm đoạt tài sản của nhau. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự công cộng. Hành vi đó bị đông đảo nhân dân bất bình phẫn nộ. Xét tính chất hành vi phạm tội của các bị cáo, nghĩ nên cần phải xử bị cáo mức án tương xứng với hành vi phạm tội nhằm giáo dục bị cáo và ngăn ngừa tội phạm chung.

Xét vai trò của bị cáo trong vụ án: Trong vụ án có nhiều bị cáo cùng tham gia, song không có sự bàn bạc và cấu kết chặt chẽ với nhau nên không thuộc dạng đồng phạm có tổ chức mà thuộc dạng đồng phạm giản đơn; đối với bị cáo Lò Văn T là người tham gia đánh bạc sau, có vai trò cuối cùng.

[3] Xét về nhân thân : Bị cáo đều là người có nhận thức xã hội và có năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được rằng: Việc đánh bài ăn tiền là vi phạm pháp luật. Tuy nhiên, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không phải

là đối tượng cờ bạc chuyên nghiệp, mà là những người lao động nhất thời phạm tội, có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có nơi cư trú ổn định rõ ràng, thái độ khai báo thành khẩn, thực sự ăn năn hối cải. Nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại Điểm h, p Khoản 1 Điều 46 BLHS1999, nay là điểm i, s khoản 1 điều 51 BLHS 2015. HĐXX xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà chỉ cần giáo dục, cải tạo tại địa phương để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật mà rèn luyện, cải tạo bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội.

[4]. *Về hình phạt bổ sung*: Theo quy định tại khoản 3 điều 248 Bộ luật Hình sự quy định “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ ba triệu đến ba mươi triệu đồng”. Do đó, bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn, gia đình bị cáo có sổ hộ nghèo, không có thu nhập khác ngoài làm nương rẫy. Do đó, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[5] *Về phần xử lý vật chứng*: Đã giải quyết ở vụ án trước nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] *Về án phí và quyền kháng cáo*: Các bị cáo phải chịu án phí và có quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Bị cáo Lò Văn T, phạm tội **“Đánh bạc”**.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 248; Điểm h, p Khoản 1, khoản 2 Điều 46 và Điều 60 BLHS 1999.

Xử phạt: bị cáo Lò Văn T 06 (sáu) tháng tù, cho bị cáo hưởng án treo thời gian thử thách là 12 (mười hai) tháng. Thời hạn tù tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Lò Văn T cho UBND xã Thanh S, huyện Như X, tỉnh Thanh Hóa là chính quyền địa phương nơi bị cáo thường trú quản lý, giám sát và giáo dục bị cáo. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc quản lý, giám sát và giáo dục bị cáo.

Về án phí: Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự (Nay là khoản 2 điều 135, khoản 2 điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015); Khoản 1, điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Bị cáo Lò Văn T phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí Hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án

dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai có mặt bị cáo, người bào chữa cho bị cáo. Dành quyền kháng cáo cho bị cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa;
- Sở Tư pháp tỉnh Thanh Hóa;
- VKS nhân dân H.Mường Lát;
- VKS nhân dân tỉnh Thanh Hóa
- Cơ quan CSĐT- Công an huyện Mường Lát;
- Chi cục THADS huyện Mường Lát;
- UBND xã Thanh sơn, huyện Như Xuân;
- Bị cáo ;
- Người bào chữa cho bị cáo;
- Hồ sơ Thi hành án Hình sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Quách Văn T